

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu mua vật tư y tế tiêu hao, hóa chất xét nghiệm phòng chống bệnh bổ sung cho Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh năm 2017 - 2018**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, ngày 26/6/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị trực thuộc vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Xét Báo cáo thẩm định số 372/BC-SYT, ngày 08/12/2017 và đề nghị tại Tờ trình số 213/TTr-SYT, ngày 08/12/2017 của Sở Y tế tỉnh Đắk Nông về phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua vật tư y tế tiêu hao, hóa chất xét nghiệm phòng chống bệnh bổ sung cho Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh năm 2017-2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu mua vật tư y tế tiêu hao, hóa chất xét nghiệm phòng chống bệnh bổ sung cho Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh năm 2017-2018, với một số nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu:** Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu mua vật tư y tế tiêu hao, hóa chất xét nghiệm phòng chống bệnh bổ sung cho Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh năm 2017-2018.

**2. Chủ đầu tư:** Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Đắk Nông.

**3. Giá gói thầu:** 729.803.300 đồng (*Bảy trăm hai mươi chín triệu, tám trăm lẻ ba ngàn, ba trăm đồng*);

Giá gói thầu trên là giá trọn gói đối với mua vật tư y tế tiêu hao, hóa chất xét nghiệm phòng chống bệnh bổ sung cho Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh năm 2017-2018, đã bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển và giao nhận đến đơn vị sử dụng.





**4. Nguồn vốn:** Từ nguồn kinh phí sự nghiệp y tế được giao năm 2017 (theo Quyết định số 938/QĐ-SYT ngày 30/11/2017 của Giám đốc Sở Y tế Đắk Nông về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017).

**5. Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Chào hàng cạnh tranh.

**6. Phương thức lựa chọn nhà thầu:** 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.

**7. Loại hợp đồng:** Hợp đồng theo đơn giá cố định, cung ứng nhiều đợt trong năm, theo nhu cầu thực tế sử dụng của các đơn vị.

**8. Hợp đồng được ký kết:** Đơn vị sử dụng ký Hợp đồng khung và mua bán với đơn vị cung ứng theo qui định hiện hành.

**9. Thời gian lựa chọn nhà thầu:** Tháng 12/2017 và Quý I/2018;

**10. Thời gian thực hiện hợp đồng:** 365 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

**11. Địa điểm cung ứng:** Trực tiếp tại Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Đắk Nông.

**12. Danh mục chi tiết tại phụ lục kèm theo.**

**Điều 2.** Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Đắk Nông có trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo chất lượng hàng hoá, mục đích sử dụng và tuân thủ các quy định hiện hành.

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định, tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan, hình thức lựa chọn nhà thầu, đơn giá, số lượng, chất lượng, thành phần của từng sản phẩm do đơn vị trình phê duyệt; hướng dẫn, tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế; Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. ✍

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD (MNC).

**KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tôn Thị Ngọc Hạnh**



**PHỤ LỤC: DANH MỤC MUA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM PHÒNG CHỐNG BỆNH BỔ SUNG CHO TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH NĂM 2017-2018**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1959~~ /QĐ-UBND, ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

| STT      | Tên hàng hóa                                                                                   | Xuất xứ  | ĐVT  | Số lượng | Đơn giá<br>(Đã có VAT) | Thành tiền  |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------|----------|------------------------|-------------|
| <b>I</b> | <b>Mua hóa chất, thuốc, vật tư phòng chống dịch</b>                                            |          |      |          |                        |             |
| 1        | Cloramin B 25%, thùng 35 kg                                                                    | Séc      | Kg   | 1.400    | 220.500                | 308.700.000 |
| 2        | Găng tay y tế Vglove H/50 đôi                                                                  | Việt Nam | Hộp  | 1.000    | 72.500                 | 72.500.000  |
| 3        | Găng tay (size M) H/50 đôi                                                                     | Việt Nam | Hộp  | 2        | 126.000                | 252.000     |
| 4        | Khẩu trang phẫu thuật, H/50 Cái (Trắng)                                                        | Việt Nam | Hộp  | 802      | 31.500                 | 25.263.000  |
| 5        | Kim lấy máu, h/200c                                                                            | Đan Mạch | Hộp  | 4        | 110.300                | 441.200     |
| 6        | Tirodi (Ofloxacin 0,3%), lọ 5ml                                                                | Việt Nam | Lọ   | 1.000    | 4.600                  | 4.600.000   |
| 7        | Natriclorid 0,9%, lọ 10ml                                                                      | Việt Nam | Lọ   | 1.000    | 1.239                  | 1.239.000   |
| 8        | Khẩu trang giấy 03 lớp (hộp 50 cái)                                                            | Việt Nam | Hộp  | 30       | 31.500                 | 945.000     |
| 9        | Găng tay y tế H/50 đôi                                                                         | Việt Nam | Hộp  | 30       | 72.500                 | 2.175.000   |
| 10       | Ống nghiệm không chất chống đông                                                               | Việt Nam | Cái  | 2000     | 500                    | 1.000.000   |
| 11       | Bơm kim tiêm 3ml H/100 cái                                                                     | Việt Nam | Hộp  | 30       | 70.000                 | 2.100.000   |
| 12       | Bông y tế (gói 500 gr)                                                                         | Việt Nam | Gói  | 18       | 70.000                 | 1.260.000   |
| 13       | Bông y tế (bông thấm nước) gói 50g, bịch 30 gói                                                | Việt Nam | Bịch | 1        | 315.000                | 315.000     |
| 14       | Que tăm bông vô trùng (gói 100 cái)                                                            | Việt Nam | Gói  | 18       | 280.000                | 5.040.000   |
| 15       | Dây Garo                                                                                       | Việt Nam | Cái  | 20       | 1.890                  | 37.800      |
| 16       | Cồn 70 độ chai 1000ml                                                                          | Việt Nam | Chai | 30       | 31.900                 | 957.000     |
| 17       | Cồn 90 chai 1000ml                                                                             | Việt Nam | chai | 2        | 39.600                 | 79.200      |
| 18       | Que thử đường huyết                                                                            | Mỹ       | que  | 800      | 16.347                 | 13.077.600  |
| 19       | Dầu soi 1000ml                                                                                 | Merk     | chai | 3        | 5.500.000              | 16.500.000  |
| 20       | Hóa chất diệt muỗi ICON 2,5 CS chai 1 lít                                                      | Bỉ       | chai | 33       | 1.100.000              | 36.300.000  |
| 21       | Trang phục chống dịch 7 món (gồm: áo, quần, khẩu trang, mũ, giày, găng tay, kính bảo hộ, giày) | Việt Nam | Bộ   | 1.000    | 77.750                 | 77.750.000  |
| 22       | Bộ sinh phẩm IgM xét nghiệm Viêm não nhật bản kỹ thuật Elisa; 2x8 phản ứng                     | Việt Nam | Bộ   | 1        | 770.000                | 770.000     |
| 23       | Bộ sinh phẩm IgM xét nghiệm Sởi kỹ thuật Elisa; 96 mẫu/kít                                     | Mỹ       | Bộ   | 1        | 8.230.000              | 8.230.000   |
| 24       | Bộ sinh phẩm IgM xét nghiệm Rubella kỹ thuật Elisa; 96 mẫu/kít                                 | Mỹ       | Bộ   | 1        | 6.457.600              | 6.457.600   |
| 25       | Môi trường vận chuyển Vi khuẩn Stuart (500gr/chai)                                             | Mỹ       | Chai | 1        | 2.792.400              | 2.792.400   |
| 26       | Kháng huyết thanh V.cholerae Antisera Set (lọ 2ml)                                             | Nhật     | Lọ   | 1        | 3.800.000              | 3.800.000   |

|                            |                                 |               |      |       |           |                    |
|----------------------------|---------------------------------|---------------|------|-------|-----------|--------------------|
| 27                         | Môi trường TCBS (hộp 50gr)      | Đức           | Hộp  | 1     | 6.600.000 | 6.600.000          |
| 28                         | Selenic (hộp 500gr)             | Đức           | Hộp  | 1     | 5.800.000 | 5.800.000          |
| 29                         | MR-VP (hộp 500gr)               | Đức           | Hộp  | 1     | 4.400.000 | 4.400.000          |
| 30                         | LDC (hộp 500gr)                 | Ấn Độ         | Hộp  | 1     | 3.700.000 | 3.700.000          |
| 31                         | KIA (hộp 500gr)                 | Đức           | Hộp  | 1     | 6.600.000 | 6.600.000          |
| 32                         | Ống nghiệm 16 có nắp (cái)      | Đức           | Cái  | 300   | 16.500    | 4.950.000          |
| 33                         | Test nhanh Rota H/30 cái        | USA           | Hộp  | 3     | 2.950.000 | 8.850.000          |
| 34                         | Đĩa petri thủy tinh loại 60mm   | ISO LAB - Đức | Cặp  | 100   | 34.695    | 3.469.500          |
| 35                         | Xà phòng rửa tay Lifebouy 180ml | Việt Nam      | Chai | 2.959 | 28.000    | 82.852.000         |
| 36                         | Phèn chua                       | Việt Nam      | Kg   | 500   | 10.000    | 5.000.000          |
| 37                         | Vôi bột                         | Việt Nam      | Kg   | 1.000 | 5.000     | 5.000.000          |
| <b>Tổng cộng: 37 khoản</b> |                                 |               |      |       |           | <b>729.803.300</b> |

